cán bào

残暴

adjective · cruel, brutal

Example Sentences

nà gè guó wáng de cán bào tǒng zhì ràng rén mín fēi cháng tòng kǔ
那个国 王 的残暴 统治 让 人民非 常 痛苦。

That king's brutal rule caused great suffering to the people.

tā duì dòng wù de cán bào xíng wéi yǐn qǐ le dà jiā de fèn nù
他对 动 物的残暴 行 为引起了大家的愤怒。

His cruel behavior towards animals aroused everyone's anger.
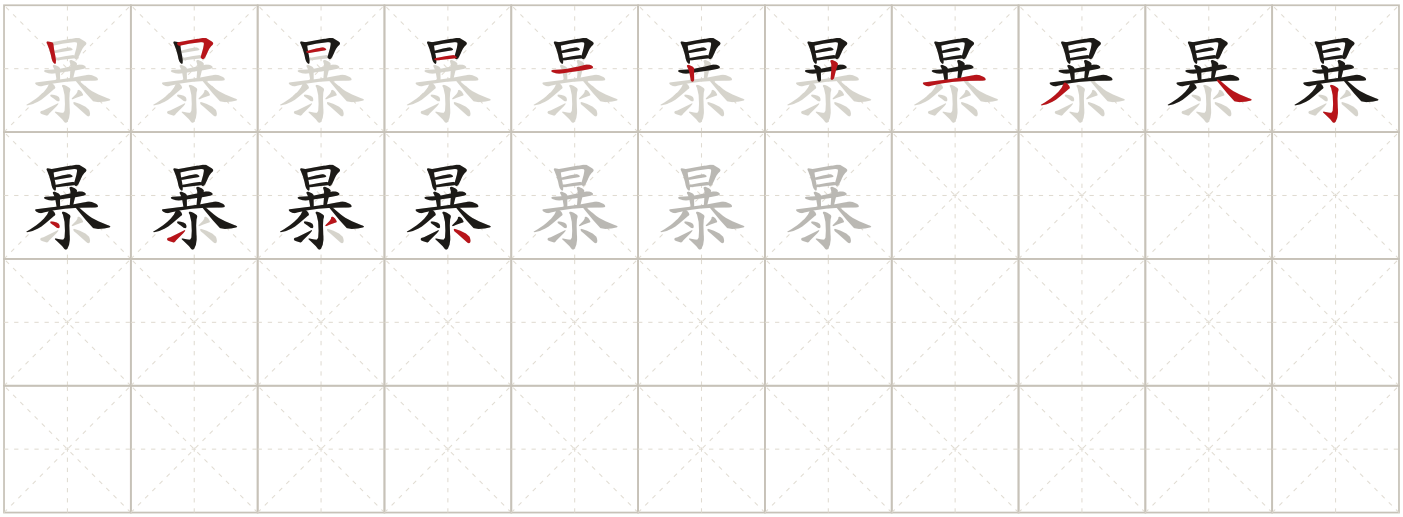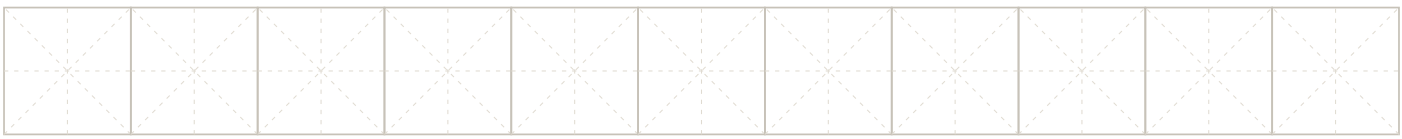
Trace each character, then write the word on your own.